
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP SÔNG ĐÀ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được soát xét bởi

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
Báo cáo kết quả công tác soát xét	5 - 6
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	7 - 32
<i>Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>7 - 10</i>
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm kết thúc tài chính ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>	<i>11</i>
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm kết thúc tài chính ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>	<i>12 - 13</i>
<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm kết thúc tài chính ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>	<i>14 - 32</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP SÔNG ĐÀ

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được soát xét.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà được thành lập theo Quyết định số 709/QĐ-BXD ngày 29/4/2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0303000173 ngày 20 tháng 05 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) cấp. Công ty đã 08 lần thay đổi đăng ký kinh doanh. Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần 08 số 0500450173 được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 16 tháng 12 năm 2011.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 8: 160.076.850.000 VND

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Lô 60 + 61, khu đô thị mới Văn Phú, phường Phú La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
Điện thoại : (84 - 4) 2211 29 18
Fax : (84 - 4) 3382 04 61
Website : <http://www.songdaic.com.vn>
Mã số thuế : 0 5 0 0 4 5 0 1 7 3

Ngành nghề kinh doanh

- Đầu tư, kinh doanh khai thác các dịch vụ về nhà ở, khu đô thị;
- Đầu tư, kinh doanh các công trình thủy điện vừa và nhỏ;
- Xây lắp các công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông, thủy lợi, buru điện, công trình hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình cấp thoát nước;
- Xây lắp các công trình đường dây và trạm biến áp đến 500KV;
- Sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị;
- Khoan nổ mìn, khai thác vật liệu xây dựng;
- Tư vấn giám sát trong các lĩnh vực: thi công xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện, dân dụng, công nghiệp, cơ sở hạ tầng, cầu và đường bộ, điện đường dây và trạm, khảo sát địa chất thủy văn, trắc địa công trình;
- Sửa chữa xe máy, thiết bị, gia công cơ khí;
- Khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản (trừ khoáng sản cấm)/.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 32).

Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2017 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP SÔNG ĐÀ
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Đinh Văn Nhân	Chủ tịch
Ông Phạm Văn Đương	Ủy viên
Ông Trần Văn Cần	Ủy viên
Ông Bùi Hữu Hân	Ủy viên
Ông Lê Quảng Đại	Ủy viên

Ban kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Lê Toàn	Trưởng ban
Bà Phạm Thị Bình	Thành viên
Bà Vũ Thị Thanh Tâm	Thành viên

Ban Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Đinh Văn Nhân	Giám đốc
Ông Bùi Hữu Hân	Phó Giám đốc
Ông Phạm Văn Đương	Phó Giám đốc
Ông Trần Văn Cần	Phó Giám đốc
Ông Lưu Văn An	Phó Giám đốc

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Xác nhận của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng kỳ kế toán. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/QĐ-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP SÔNG ĐÀ
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Thay mặt Ban Giám đốc *Đinh Văn Nhân*

Giám đốc



Đinh Văn Nhân

Ngày 15 tháng 8 năm 2017

Số : 2906.01.01/2017/BCTC-NVT2
Ngày : 15 tháng 8 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
Về Báo cáo tài chính giữa niên độ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Kính gửi : **Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà, được lập ngày 15 tháng 8 năm 2017 từ trang 7 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Công ty chưa trích lập dự phòng nợ khó đòi đối với khoản công nợ phải thu về lãi vay cho các cá nhân vay (thuyết minh số V.5 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ), khoản phải thu của Tổng Công ty Sông Đà (thuyết minh số V.8) và khoản trả trước cho Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Thái Bình (thuyết minh số V.4). Giá trị cần trích lập dự phòng tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2017 ước tính là: 12.957.221.848 VND. Nếu Công ty trích lập đầy đủ khoản dự phòng này thì chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ sẽ giảm đi tương ứng.

Trụ Sở Chính:

Số 187 đường Nguyễn Lương Bằng, P. Quang Trung, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội 5
[T] (84-4) 3761 3399 [F] (84-4) 3761 5599 [W] www.ntva.vn [E] vpa@ntva.vn

Chi nhánh tại Hà Nội:

47 Vũ Trọng Phụng, P. Thanh Xuân Trung, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh:

Tòa nhà Hoàng Anh Safomec- 7/1 Thành Thái, P. 14, Q. 10, TP. Hồ Chí Minh

Chi nhánh tại TP. Hải Phòng:

K3/125, Tô Hiệu, P. Trại Cau, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT (tiếp theo)

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hồng Thanh

GCNĐKHNT số: 0053-2014-124-1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP SÔNG ĐÀ

Lô 60 + 61, khu đô thị mới Văn Phú, phường Phú La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		62.453.602.475	70.008.833.595
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	307.190.265	2.264.451.166
1. Tiền	111		307.190.265	2.264.451.166
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.161.200	2.161.200
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2	2.161.200	2.161.200
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		50.459.903.651	47.819.259.132
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	20.158.771.649	20.135.007.270
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	6.140.865.212	6.126.206.301
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	24.519.477.901	21.917.256.672
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(359.211.111)	(359.211.111)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		10.587.008.225	12.711.212.327
1. Hàng tồn kho	141	V.7	10.587.008.225	12.711.212.327
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.097.339.134	7.211.749.770
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.097.339.134	7.211.749.770
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP SÔNG ĐÀ

Lô 60 + 61, khu đô thị mới Văn Phú, phường Phú La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		361.482.813.882	346.790.500.350
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		825.953.000	1.478.403.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		165.953.000	818.403.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.8	660.000.000	660.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		185.124.157.603	190.455.190.233
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	183.294.157.603	188.625.190.233
<i>Nguyên giá</i>	222		215.467.413.558	215.467.413.558
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(32.173.255.955)	(26.842.223.325)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	1.830.000.000	1.830.000.000
<i>Nguyên giá</i>	228		1.930.000.000	1.930.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(100.000.000)	(100.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.11	175.516.344.945	154.812.497.363
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		175.516.344.945	154.812.497.363
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		500.000	500.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		500.000	500.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		15.858.334	43.909.754
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		15.858.334	43.909.754
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		423.936.416.357	416.799.333.945

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP SÔNG ĐÀ

Lô 60 + 61, khu đô thị mới Văn Phú, phường Phú La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		266.897.908.590	255.732.360.149
I. Nợ ngắn hạn	310		75.969.323.011	83.552.890.651
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	22.075.066.823	28.623.310.218
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	7.200.359.369	6.185.453.651
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	1.492.960.820	2.735.634.876
4. Phải trả người lao động	314		-	1.445.029.693
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	912.183.000	1.677.558.000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	14.089.472.470	13.045.325.484
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	29.792.428.000	29.433.726.200
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		406.852.529	406.852.529
13. Quỹ bình ôn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		190.928.585.579	172.179.469.498
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.18	8.060.051.419	10.193.755.338
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19	182.868.534.160	161.985.714.160
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP SÔNG ĐÀ

Lô 60 + 61, khu đô thị mới Văn Phú, phường Phú La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		157.038.507.767	161.066.973.796
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	157.038.507.767	161.066.973.796
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		160.076.850.000	160.076.850.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		160.076.850.000	160.076.850.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		48.603.459	48.603.459
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		1.526.750.000	1.526.750.000
5. Cổ phiếu quỹ	415		(3.510.000)	(3.510.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.334.615.191	1.334.615.191
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(5.944.800.883)	(1.916.334.854)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(1.916.334.854)	1.553.712.472
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(4.028.466.029)	(3.470.047.326)
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		423.936.416.357	416.799.333.945

Lập, ngày 15 tháng 8 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Đinh Thị Đào



Lê Quảng Đại



Đinh Văn Nhân

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP SÔNG ĐÀ

Lô 60 + 61, khu đô thị mới Văn Phú, phường Phú La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

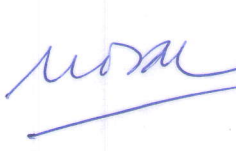
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	14.701.642.704	49.128.763.147
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		14.701.642.704	49.128.763.147
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	12.737.552.100	37.544.806.632
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.964.090.604	11.583.956.515
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	10.071.347	576.238.071
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	4.272.353.940	4.866.291.190
Trong đó: chi phí lãi vay	23		4.272.353.940	4.866.291.190
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	802.133.876	1.973.853.176
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(3.100.325.865)	5.320.050.220
11. Thu nhập khác	31	VI.6	861.625.087	-
12. Chi phí khác	32	VI.7	1.607.869.565	3.800.754.853
13. Lợi nhuận khác	40		(746.244.478)	(3.800.754.853)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(3.846.570.343)	1.519.295.367
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	181.895.686	1.510.463.715
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(4.028.466.029)	8.831.652
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	(251,66)	0,55

Lập, ngày 15 tháng 8 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Đinh Thị Đào

Lê Quảng Đại

Đinh Văn Nhân

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP SÔNG ĐÀ

Lô 60 + 61, khu đô thị mới Văn Phú, phường Phú La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		17.162.948.314	50.724.259.291
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(5.870.987.380)	(47.543.015.246)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(3.100.180.579)	(2.106.922.000)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(5.037.728.940)	(4.928.326.372)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		-	1.599.680.500
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		6.704.961.996	(3.678.083.500)
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(4.965.844.773)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		4.093.168.638	(5.932.407.327)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(28.745.637.998)	(11.028.594.585)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		652.450.000	5.891.500.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.236.659	7.472.198
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(28.091.951.339)	(5.129.622.387)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP SÔNG ĐÀ

Lô 60 + 61, khu đô thị mới Văn Phú, phường Phú La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

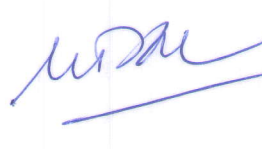
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		45.320.072.800	52.788.247.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(24.078.551.000)	(34.617.474.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		21.241.521.800	18.170.773.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(1.957.260.901)	7.108.743.286
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	2.264.451.166	3.143.214.657
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	307.190.265	10.251.957.943

Người lập biểu



Đinh Thị Đào

Kế toán trưởng



Lê Quảng Đại

Lập, ngày 15 tháng 8 năm 2017

Giám đốc



Đinh Văn Nhân

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP SÔNG ĐÀ

Lô 60 + 61, khu đô thị mới Văn Phú, phường Phú La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần

2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Xây lắp

3. Hoạt động kinh doanh chính trong năm

- Đầu tư, kinh doanh khai thác các dịch vụ về nhà ở, khu đô thị;
- Đầu tư, kinh doanh các công trình thủy điện vừa và nhỏ;
- Xây lắp các công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông, thủy lợi, bưu điện, công trình hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình cấp thoát nước;
- Xây lắp các công trình đường dây và trạm biến áp đến 500KV;
- Sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị;
- Khoan nổ mìn, khai thác vật liệu xây dựng;
- Tư vấn giám sát trong các lĩnh vực: thi công xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện, dân dụng, công nghiệp, cơ sở hạ tầng, cầu và đường bộ, điện đường dây và trạm, khảo sát địa chất thủy văn, trắc địa công trình;
- Sửa chữa xe máy, thiết bị, gia công cơ khí;
- Khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản (trừ khoáng sản cấm).

4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP SÔNG ĐÀ

Lô 60 + 61, khu đô thị mới Văn Phú, phường Phú La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân quý và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Dự án thủy điện Tát Ngoãng – Sơn La xây dựng cơ bản hoàn thành chưa có quyết toán đưa vào sử dụng, Nguyên giá TSCĐ đang ghi tăng theo quyết định tạm xác định giá trị xây dựng cơ bản dự án hoàn thành số 10/QĐ-HĐQT ngày 31 tháng 12 năm 2015.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP SÔNG ĐÀ

Lô 60 + 61, khu đô thị mới Văn Phú, phường Phú La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất tại Lô 60 + 61, khu phát triển Đô thị 4B xã Văn Khê, thị xã Hà Đông, tỉnh Hà Tây theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 063532 và quyền sử dụng thương hiệu Sông Đà

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
- Máy móc thiết bị	06 - 20 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- TSCĐ hữu hình khác	03 - 05 năm
- TSCĐ vô hình – thương hiệu Sông Đà	05 năm
- TSCĐ vô hình – quyền sử dụng đất	Không trích khấu hao

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP SÔNG ĐÀ

Lô 60 + 61, khu đô thị mới Văn Phú, phường Phú La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

11. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

12. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

13. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP SÔNG ĐÀ

Lô 60 + 61, khu đô thị mới Văn Phú, phường Phú La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

14. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP SÔNG ĐÀ

Lô 60 + 61, khu đô thị mới Văn Phú, phường Phú La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP SÔNG ĐÀ

Lô 60 + 61, khu đô thị mới Văn Phú, phường Phú La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	203.488.908	601.372.840
Tiền gửi ngân hàng	103.701.357	1.663.078.326
Cộng	<u>307.190.265</u>	<u>2.264.451.166</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cổ phiếu	<u>2.161.200</u>	<u>2.161.200</u>
BID	91.200	91.200
PET	2.070.000	2.070.000
Cộng	<u>2.161.200</u>	<u>2.161.200</u>

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
BQLDA Lưới điện (Công ty điện lực 1)	3.129.700.292	3.129.700.292
Công ty Cổ phần thủy điện Hồ Bốn	1.544.281.158	2.744.281.158
Công ty Cổ phần Đầu tư năng lượng và Xây lắp Sông Đà	5.212.972.156	5.212.972.156
Điện lực Bắc Kạn	2.429.606.364	3.828.382.464
Ban QL Dự án phát triển Điện lực - Công ty Điện lực I	4.721.849.323	1.776.750.503
Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	1.833.830.286	1.785.351.968
Các khách hàng khác	1.286.532.070	1.657.568.729
Cộng	<u>20.158.771.649</u>	<u>20.135.007.270</u>

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần tư vấn và đầu tư Thái Bình	1.300.000.000	1.300.000.000
Công ty TNHH Hệ thống điện và tự động hóa Việt Nam	2.330.195.631	2.205.195.631
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	885.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	1.625.669.581	2.621.010.670
Cộng	<u>6.140.865.212</u>	<u>6.126.206.301</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP SÔNG ĐÀ

Lô 60 + 61, khu đô thị mới Văn Phú, phường Phú La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**5. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	1.585.110.024	1.807.589.376
Tạm ứng của ban lãnh đạo	1.585.110.024	1.807.589.376
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	22.934.367.877	20.109.667.296
Tạm ứng	7.521.765.770	4.535.421.598
Công ty Cổ phần Đầu tư năng lượng và Xây lắp Sông Đà	1.895.095.354	1.810.634.516
Phải thu tiền thuế TNCN	-	3.040.241
Ký quỹ bảo lãnh An Bình	-	55.819.815
Ký quỹ mở LC	84.245.600	84.245.600
Phải thu lãi vay cá nhân	12.962.220.343	12.953.385.655
Phải thu khác	471.040.810	667.119.871
Cộng	<u>24.519.477.901</u>	<u>21.917.256.672</u>

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	359.211.111	393.823.597
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-
Hoàn nhập dự phòng	-	(34.612.486)
Số cuối kỳ	<u>359.211.111</u>	<u>359.211.111</u>

Chi tiết dự phòng phải thu khó đòi được trình bày như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Xí nghiệp Sông Đà 7.05 - Công ty CP SSD 705	Quá hạn trên 3 năm	220.761.166	220.761.166	Quá hạn trên 3 năm	220.761.166	220.761.166
Điện lực Lai Châu	Quá hạn trên 3 năm	138.449.945	138.449.945	Quá hạn trên 3 năm	138.449.945	138.449.945
Cộng		<u>359.211.111</u>	<u>359.211.111</u>		<u>359.211.111</u>	<u>359.211.111</u>

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	10.587.008.225	-	12.711.212.327	-
Cộng	<u>10.587.008.225</u>	<u>-</u>	<u>12.711.212.327</u>	<u>-</u>

8. Phải thu dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu Tổng công ty Sông Đà (*)	660.000.000	660.000.000

(*) Là khoản tiền chuyển cho Tổng Công ty Sông Đà thực hiện đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Khu kinh tế Hải Hà.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP SÔNG ĐÀ

Lô 60 + 61, khu đô thị mới Văn Phú, phường Phú La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**9. Tài sản cố định hữu hình**

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	<u>109.036.729.223</u>	<u>100.613.237.592</u>	<u>5.728.771.743</u>	<u>88.675.000</u>	<u>215.467.413.558</u>
Số cuối kỳ	<u>109.036.729.223</u>	<u>100.613.237.592</u>	<u>5.728.771.743</u>	<u>88.675.000</u>	<u>215.467.413.558</u>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	-	<i>8.480.163.403</i>	<i>3.535.669.380</i>	<i>47.475.000</i>	<i>12.063.307.783</i>
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	<u>6.403.094.347</u>	<u>15.740.043.069</u>	<u>4.643.740.831</u>	<u>55.345.078</u>	<u>26.842.223.325</u>
Khấu hao trong kỳ	<u>2.708.331.085</u>	<u>2.476.069.009</u>	<u>144.057.534</u>	<u>2.575.002</u>	<u>5.331.032.630</u>
Số cuối kỳ	<u>9.111.425.432</u>	<u>18.216.112.078</u>	<u>4.787.798.365</u>	<u>57.920.080</u>	<u>32.173.255.955</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	<u>102.633.634.876</u>	<u>84.873.194.523</u>	<u>1.085.030.912</u>	<u>33.329.922</u>	<u>188.625.190.233</u>
Số cuối kỳ	<u>99.925.303.791</u>	<u>82.397.125.514</u>	<u>940.973.378</u>	<u>30.754.920</u>	<u>183.294.157.603</u>

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 192.575.697.440 VND và 178.132.520.132 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Đầu tư và phát triển chi nhánh Sơn La và Ngân hàng TMCP An Bình

10. Tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất (*)</u>	<u>Thương hiệu Sông Đà</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	<u>1.830.000.000</u>	<u>100.000.000</u>	<u>1.930.000.000</u>
Số cuối kỳ	<u>1.830.000.000</u>	<u>100.000.000</u>	<u>1.930.000.000</u>
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	<u>100.000.000</u>	<u>100.000.000</u>
Khấu hao trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	-	<u>100.000.000</u>	<u>100.000.000</u>
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	<u>1.830.000.000</u>	-	<u>1.830.000.000</u>
Số cuối kỳ	<u>1.830.000.000</u>	-	<u>1.830.000.000</u>

(*) Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất tại Lô 60 + 61, khu phát triển Đô thị 4B xã Văn Khê, thị xã Hà Đông, tỉnh Hà Tây theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 063532 do Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây cấp ngày 17 tháng 7 năm 2006

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP SÔNG ĐÀ

Lô 60 + 61, khu đô thị mới Văn Phú, phường Phú La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn**

Tình hình biến động của chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển tăng TSCĐ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Phần mở rộng của Thủy điện Tát Ngoãng	-	577.308.885	-	577.308.885
Thủy điện Mường Sang 2 - Mộc Châu - Sơn la (*)	151.421.747.786	19.460.388.587	-	170.882.136.373
Thủy Điện Thu Cúc	482.123.045	-	-	482.123.045
Công trình Nhà xưởng Chương Mỹ	2.003.684.226	152.945.800	-	2.156.630.026
Thủy điện Mường Sang 3	904.942.306	513.204.310	-	1.418.146.616
Cộng	154.812.497.363	20.703.847.582	-	175.516.344.945

(*) Tài sản hình thành sau đầu tư dự án đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Đầu tư và phát triển chi nhánh Sơn La.

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư năng lượng và Xây lắp Sông Đà	10.158.253.873	9.987.759.499
Công ty TNHH Tân An	1.738.788.980	5.583.788.980
Công ty TNHH LS VINA	1.502.920.554	1.502.920.554
Công ty Cổ phần SOMECO Sông Đà	1.587.527.637	1.587.527.637
Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt á Âu	1.097.116.051	1.247.116.051
Các nhà cung cấp khác	5.990.459.728	8.714.197.497
Cộng	22.075.066.823	28.623.310.218

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Điện lực Điện Biên	6.185.453.651	6.185.453.651
Điện Lực Vĩnh Phúc	1.014.905.718	-
Cộng	7.200.359.369	6.185.453.651

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Bù trừ hoàn thuế</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.253.243.942	75.863.703	(603.518.500)	(725.589.145)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	251.794.817	181.895.686	-	(181.895.686)	251.794.817
Thuế thu nhập cá nhân	7.189.720	11.839.240	-	(19.028.960)	-
Thuế tài nguyên	1.223.406.397	217.759.606	(200.000.000)	-	1.241.166.003
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	1.225.856.551	(3.000.000)	(1.222.856.551)	-
Cộng	2.735.634.876	1.713.214.786	(806.518.500)	(2.149.370.342)	1.492.960.820

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP SÔNG ĐÀ

Lô 60 + 61, khu đô thị mới Văn Phú, phường Phú La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)*Các loại thuế khác*

Các loại thuế khác công ty kê khai và nộp theo quy định

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

Là chi phí lãi vay phải trả

16. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	6.009.771	1.734.000
Phải trả khác ban lãnh đạo	6.009.771	1.734.000
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	14.083.462.699	13.043.591.484
Kinh phí công đoàn	219.812	219.812
BHXH, BHYT, BHTN	7.755.319.292	6.266.988.285
Đặt cọc bảo lãnh thủy điện Mường Sang 2	2.642.378.033	2.642.378.033
Ông Đinh Văn Hà	2.149.430.198	2.336.430.198
Ông Đinh Văn Vệ	1.087.302.702	1.218.644.352
Thù lao HĐQT và ban kiểm soát	-	111.900.000
Các đối tượng khác	448.812.662	467.030.804
Cộng	<u>14.089.472.470</u>	<u>13.045.325.484</u>

17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2016/177669/HĐTD ngày 06/10/2016; Tổng hạn mức vay: 65 tỷ đồng trong đó hạn mức vay tối đa 30 tỷ đồng, hạn mức bảo lãnh tối đa 35 tỷ đồng. Lãi suất và thời hạn vay được quy định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể được ký kết từng lần với ngân hàng; Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh; Thời hạn cấp hạn mức đến ngày 30/06/2017.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	<u>Kỳ này</u>
Số đầu năm	29.433.726.200
Số tiền vay phát sinh	12.865.252.800
Số tiền vay đã trả	(12.506.551.000)
Số cuối kỳ	<u>29.792.428.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP SÔNG ĐÀ

Lô 60 + 61, khu đô thị mới Văn Phú, phường Phú La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**18. Phải trả người bán dài hạn.**

Là chi phí phải trả các công trình giữ lại chờ quyết toán.

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Trùng Khánh Trung Quốc	1.699.669.555	1.699.669.555
Công ty TNHH Tân An	1.423.136.220	1.423.136.220
Ông Nguyễn Học Phi	213.101.500	124.619.500
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	-	269.042.672
Công ty Cổ phần xây dựng điện VNECO2	-	420.040.080
Công ty TNHH MTV xây lắp điện 4	-	453.093.110
Công ty Cổ phần Đầu tư năng lượng và Xây lắp Sông Đà	4.724.144.144	5.804.154.201
Cộng	<u>8.060.051.419</u>	<u>10.193.755.338</u>

19. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Khả năng trả nợ</u>
Vay dài hạn ngân hàng	152.469.714.160	152.469.714.160	152.944.714.160	152.944.714.160
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển chi nhánh Sơn La (1)	137.404.000.000	137.404.000.000	134.804.000.000	134.804.000.000
- Ngân hàng TMCP An Bình (2)	15.065.714.160	15.065.714.160	18.140.714.160	18.140.714.160
Vay dài hạn cá nhân khác	30.398.820.000	30.398.820.000	9.041.000.000	9.041.000.000
Cộng	<u>182.868.534.160</u>	<u>182.868.534.160</u>	<u>161.985.714.160</u>	<u>161.985.714.160</u>

(1) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Chi nhánh Sơn La theo các hợp đồng vay:

- Hợp đồng tín dụng đầu tư số 04/2010/HĐTĐĐT-NHPT ngày 15/12/2010; Hợp đồng tín dụng sửa đổi bổ sung số 01/2014/HĐTĐSĐBS-NHPT ngày 30/06/2014; Thời hạn vay 96 tháng; Thời hạn ân hạn tối đa 39 tháng; Thời hạn trả nợ gốc vay 57 tháng; Thời điểm bắt đầu trả gốc vay: tháng 9/2014; Lãi suất vay 9,6%/năm; Tổng hạn mức vay: 47.988.000.000 đồng. Mục đích vay: Đầu tư dự án Nhà máy Thủy điện Tắt Ngoãng - Sơn La;

- Hợp đồng tín dụng đầu tư số 03/2011/HĐTĐĐT-NHPT ngày 28/01/2011; Thời hạn vay 96 tháng; Thời gian ân hạn tối đa 24 tháng; Thời hạn trả nợ gốc vay 72 tháng; Lãi suất vay 9,6%/năm. Tổng hạn mức vay: 39.700.000.000 đồng; Mục đích vay: Đầu tư XD và mua sắm thiết bị cho dự án Nhà máy Thủy điện Mường Sang 2 - Sơn La; Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành sau đầu tư của dự án

(2) Khoản vay Ngân hàng TMCP An Bình theo Hợp đồng tín dụng số 89/14/TD/XH ngày 08/04/2014; Tổng số tiền vay: 30.000.000.000 VND; Thời hạn vay 72 tháng; Lãi suất 14,5% và được thay đổi khi ngân hàng thông báo thay đổi lãi suất; Mục đích vay: Đầu tư xây dựng công trình Thủy điện Tắt Ngoãng; Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay dài hạn ngân hàng	152.944.714.160	5.000.000.000	(5.475.000.000)	152.469.714.160
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển chi nhánh Sơn La	134.804.000.000	5.000.000.000	(2.400.000.000)	137.404.000.000
- Ngân hàng TMCP An Bình	18.140.714.160	-	(3.075.000.000)	15.065.714.160
Vay dài hạn cá nhân khác	9.041.000.000	27.454.820.000	(6.097.000.000)	30.398.820.000
Cộng	<u>161.985.714.160</u>	<u>32.454.820.000</u>	<u>(11.572.000.000)</u>	<u>182.868.534.160</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP SÔNG ĐÀ

Lô 60 + 61, khu đô thị mới Văn Phú, phường Phú La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

20. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	160.076.850.000	48.603.459	1.526.750.000	(3.510.000)	1.234.396.811	2.004.367.613	164.887.457.883
Tăng vốn từ lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	(3.470.047.326)	(3.470.047.326)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	100.218.380	(450.655.141)	(350.436.761)
Số dư cuối năm trước	160.076.850.000	48.603.459	1.526.750.000	(3.510.000)	1.334.615.191	(1.916.334.854)	161.066.973.796
Số dư đầu năm nay	160.076.850.000	48.603.459	1.526.750.000	(3.510.000)	1.334.615.191	(1.916.334.854)	161.066.973.796
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	(4.028.466.029)	(4.028.466.029)
Số dư cuối kỳ này	160.076.850.000	48.603.459	1.526.750.000	(3.510.000)	1.334.615.191	(5.944.800.883)	157.038.507.767

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	16.007.685	16.007.685
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	16.007.685	16.007.685
- Cổ phiếu phổ thông	16.007.685	16.007.685
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	351	351
- Cổ phiếu phổ thông	351	351
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.007.334	16.007.334
- Cổ phiếu phổ thông	16.007.334	16.007.334
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP SÔNG ĐÀ

Lô 60 + 61, khu đô thị mới Văn Phú, phường Phú La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ.****1. Doanh thu**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hợp đồng xây dựng	7.414.220.977	15.980.449.063
Doanh thu bán điện	7.287.421.727	11.312.037.682
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	9.882.654.549
Doanh thu bán hàng hóa	-	11.953.621.853
Cộng	14.701.642.704	49.128.763.147

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hợp đồng xây dựng	6.607.628.960	15.438.654.104
Giá vốn bán điện	6.129.923.140	5.980.154.397
Giá vốn cung cấp dịch vụ	-	4.172.376.278
Giá vốn hàng hóa	-	11.953.621.853
Cộng	12.737.552.100	37.544.806.632

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Là lãi tiền gửi, tiền cho vay

4. Chi phí hoạt động tài chính

Là chi phí lãi vay

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	240.377.510	1.226.469.340
Chi phí vật liệu quản lý	42.315.636	80.296.130
Chi phí đồ dùng văn phòng	61.736.728	53.133.886
Chi phí khấu hao tài sản cố định	129.507.072	129.507.072
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dự phòng	-	(34.612.487)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	122.566.858	119.391.202
Các chi phí khác	202.630.072	396.668.033
Cộng	802.133.876	1.973.853.176

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP SÔNG ĐÀ

Lô 60 + 61, khu đô thị mới Văn Phú, phường Phú La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**6. Thu nhập khác**

Là khoản công nợ không phải thanh toán

7. Chi phí khác

Phạt thuế

Lãi nộp chậm BHXH

Tiền thuế phải nộp theo biên bản hoàn thuế

Xử lý công nợ

Cộng**Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này****Năm nay****Năm trước**

1.222.856.551

384.562.354

283.472.002

3.517.282.851

450.660

1.607.869.565**3.800.754.853****8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành 6 tháng đầu năm 2017 được dự tính như sau:

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này**Năm nay****Năm trước**

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế

(3.846.570.343)

1.519.295.367

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:

- Các khoản điều chỉnh tăng

1.607.418.905

3.700.100.410

1.607.418.905

3.700.100.410

Phạt thuế

1.222.856.551

384.562.354

Lãi nộp chậm BHXH

- Các khoản điều chỉnh giảm

-

Thu nhập chịu thuế

(2.239.151.438)

5.219.395.777

Lỗi các năm trước được chuyển

Thu nhập tính thuế

(2.239.151.438)

5.219.395.777

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp

20%

20%

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp

-

1.043.879.155**Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước****181.895.686****466.584.560****Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành****181.895.686****1.510.463.715****9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu****Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này****Năm nay****Năm trước**

Lợi nhuận kế toán sau thuế của cổ đông công ty

(4.028.466.029)

8.831.652

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu

-

Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông công ty

(4.028.466.029)

8.831.652

Cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ

16.007.334

16.007.334

Lãi cơ bản trên cổ phiếu**(251,66)****0,55**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP SÔNG ĐÀ

Lô 60 + 61, khu đô thị mới Văn Phú, phường Phú La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	16.007.334	16.007.334
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	16.007.334	16.007.334

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**1. Giao dịch không bằng tiền**

Trong năm công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Kỳ này
Bù trừ hoàn thuế GTGT và thuế GTGT phải nộp	725.589.145
Bù trừ hoàn thuế GTGT và thuế TNDN	181.895.686
Bù trừ hoàn thuế GTGT và thuế TNCN	19.028.960
Bù trừ hoàn thuế GTGT và phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.222.856.551
Cộng	2.149.370.342

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch bên liên quan***Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:*

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát.

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa công ty với các thành viên quản lý chủ chốt:

	Kỳ này
Tạm ứng tiền mua hàng	63.000.000
Hoàn trả tiền tạm ứng	289.755.123

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán công nợ của các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh V.5 và V.16./.

2. Chi phí lãi vay vốn hóa

	Kỳ này
Chi phí lãi vay vốn hóa cho các khoản vay riêng biệt	4.116.900.638
Cộng	4.116.900.638

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP SÔNG ĐÀ

Lô 60 + 61, khu đô thị mới Văn Phú, phường Phú La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	307.190.265	2.264.451.166	307.190.265	2.264.451.166
Đầu tư tài chính	2.661.200	2.661.200	2.661.200	2.661.200
Phải thu khách hàng	19.799.560.538	19.775.796.159	19.799.560.538	19.775.796.159
Phải thu về cho vay	165.953.000	818.403.000	165.953.000	818.403.000
Phải thu khác	25.179.477.901	22.218.045.561	25.179.477.901	22.218.045.561
Cộng	45.454.842.904	45.079.357.086	45.454.842.904	45.079.357.086
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	30.135.118.242	38.817.065.556	30.135.118.242	38.817.065.556
Phải trả khác	15.001.655.470	16.167.913.177	15.001.655.470	16.167.913.177
Vay và nợ thuê tài chính	212.660.962.160	191.419.440.360	212.660.962.160	191.419.440.360
Cộng	257.797.735.872	246.404.419.093	257.797.735.872	246.404.419.093

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

4. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính là tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ khoản rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc các đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động ở nhiều lĩnh vực khác nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP SÔNG ĐÀ

Lô 60 + 61, khu đô thị mới Văn Phú, phường Phú La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**Tiền gửi ngân hàng**

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

5. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Phải trả người bán	22.075.066.823	8.060.051.419	-	30.135.118.242
Phải trả khác	15.001.655.470	-	-	15.001.655.470
Vay và nợ thuê tài chính	29.792.428.000	182.868.534.160	-	212.660.962.160
Cộng	66.869.150.293	190.928.585.579	-	257.797.735.872
Số đầu năm				
Phải trả người bán	28.623.310.218	10.193.755.338	-	38.817.065.556
Phải trả khác	16.167.913.177	-	-	16.167.913.177
Vay và nợ thuê tài chính	29.433.726.200	161.985.714.160	-	191.419.440.360
Cộng	74.224.949.595	172.179.469.498	-	246.404.419.093

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

6. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP SÔNG ĐÀ

Lô 60 + 61, khu đô thị mới Văn Phú, phường Phú La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

7. Thông tin so sánh

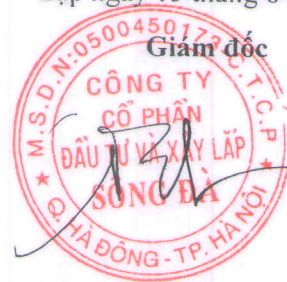
Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm kết thúc tài chính ngày 31 tháng 12 năm 2017 là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K.

Lập ngày 15 tháng 8 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Đinh Thị Đào

Lê Quảng Đại

Đinh Văn Nhân